

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 94/2022/HNGĐ-ST

Ngày 22 - 9 -2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Ngọc Bích

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lục Kim Thanh.

2. Ông Lương Thanh Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 596/2022/TLST-HNGĐ ngày 14/6/2022 về việc: “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31/8/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Hồng H, sinh năm 1990, địa chỉ tạm trú: Khu phố 4, phường M, thị xã B, tỉnh B.

- Bị đơn: Ông Đào Tấn Đ, sinh năm 1982, địa chỉ tạm trú: Khu phố 4, phường M, thị xã B, tỉnh B

Bà H có mặt, ông Đ vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 02/6/2022 và lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Trần Thị Hồng H trình bày:

Về hôn nhân: Bà H và ông Đ có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đ vào ngày 21/7/2015.

Việc đăng ký kết hôn là tự nguyện không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn chung sống hạnh phúc và có 01 con chung. Tuy nhiên, thời gian sau này vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng sống chung nhưng ngày càng bất đồng

quan điểm, không hợp nhau. Ông Đ nhiều lần đánh bà H nhưng bà H không báo chính quyền địa phương nên không có bằng chứng cung cấp cho Tòa án. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng kéo dài nhiều năm từ khoảng năm 2018 cho đến nay. Khoảng tháng 4 năm 2022, mâu thuẫn trầm trọng, hai vợ chồng cãi vã nhau thì ông Đ bỏ ra nhà trọ khác sinh sống. Còn bà H vẫn sinh sống tại nhà trọ T, khu phố 4, phường M.

Bà H yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn vì mâu thuẫn giữa bà và ông Đ kéo dài đã lâu, không thể hàn gắn.

Về con chung: Bà H và ông Đ có 01 con chung là Đào Trần Tấn P, sinh ngày 01/11/2016. Cháu đang ở chung với bà H và bên ngoại chăm sóc từ khi mới sinh đến nay. Bà H yêu cầu tiếp tục được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng. Thu nhập của bà H mỗi tháng từ 10.000.000 đồng trở lên đảm bảo đủ khả năng nuôi con. Bà đã cung cấp bằng lương cho Tòa án.

Về tài sản, nợ chung: Bà H không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Đào Tấn Đ:

Tòa án đã tổng Đ trực tiếp Thông báo thụ lý vụ án cho ông Đ, ông Đ có Bản tự khai ngày 24/6/2022 nộp cho Tòa án. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 24/6/2022, ông Đ trình bày:

Ông Đ và bà Trần Thị Hồng H có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Đ vào năm 2015. Việc kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, ông Đ và bà H lên làm việc tại thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương từ 2015 đến nay và sống chung tại nhà trọ đường D5, khu phố 4, phường M, thị xã B, tỉnh B. Hiện nay ông Đ vẫn đang làm việc tại Công ty K, địa chỉ: Khu phố 1, phường M, thị xã B, tỉnh B và ở trọ tại khu phố 4, phường M, thị xã B, tỉnh B (chưa làm tạm trú và ông không nhớ rõ tên nhà trọ).

Thời gian đầu chung sống H phúc, ông Đ nhận thấy không có mâu thuẫn gì trầm trọng. Ông Đ xin nghỉ công ty 10 ngày về quê, sau khi lên Bến Cát thì bà H đòi chia tay nói ông Đ phải ra khỏi nhà không thì bà H cũng dọn đi. Do đó, ông Đ phải chuyển ra ở riêng từ khoảng 02 tháng. Sau khi ở riêng thì không liên lạc được, bà H không nói chuyện với ông Đ. Đi làm chung công ty nhưng khác bộ phận nên cũng không gặp bà H, nhiều lần gặp bà H cũng không cho ông Đ nói chuyện.

Hiện nay ông Đ vẫn còn tình cảm với vợ con. Ông Đ không muốn con cái thiếu cha mẹ nên ông Đ không đồng ý ly hôn với bà H. Ông muốn có thời gian suy nghĩ, hàn gắn.

Trường hợp bà H muốn ly hôn, ông Đ yêu cầu Tòa án chuyển hồ sơ vụ án đến Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đ (là nơi cư trú và là nơi ông và bà H đăng ký kết hôn). Lý do yêu cầu chuyển hồ sơ vụ án là để kéo dài thời gian cho ông và bà H suy nghĩ hàn gắn để bà H sẽ suy nghĩ lại.

Về con chung: Ông Đ và bà H có 01 con chung là Đào Trần Tấn P, sinh ngày 01/11/2016. Cháu ở chung với ông và bên ngoại tại tỉnh K từ khi mới sinh cho đến nay. Ông Đ yêu cầu được nuôi con. Không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay ông Đ đi làm thu nhập là 18.000.000 đồng/tháng.

Ông Đ không tranh chấp về tài sản chung và nợ chung.

Ông Đ không có yêu cầu phản tố với nguyên đơn.

Tuy nhiên, quá trình Tòa án triệu tập ông Đ tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng ông Đ vắng mặt không có lý do. Ông Đ cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ gì thêm đối với ý kiến của mình.

Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án. Đề nghị HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

- Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về ly hôn và tranh chấp về nuôi con. Hiện ông Đào Tấn Đ đang cư trú tại khu phố 4, phường M, thị xã B, tỉnh B. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát theo quy định tại Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn ông Đ đã được Tòa án tổng Đ hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập để tham gia phiên tòa, tuy nhiên ông Đ vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà H và ông Đ tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Mỹ, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp vào năm 2015. Do đó, hôn nhân giữa bà H và ông Đ là hợp pháp.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn bà H trình bày mâu thuẫn giữa bà và ông Đ đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn được nên bà H yêu cầu ly hôn với ông Đ.

Bị đơn ông Đ có ý kiến không đồng ý ly hôn do không muốn con cái thiếu thốn tình cảm cha mẹ.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, Tòa án đã cho bà H và ông Đ thời gian về suy nghĩ, hàn gắn. Tuy nhiên, sau đó Tòa án đã tổng Đ hợp lệ các văn bản tố tụng để ông Đ tham gia hòa giải thì ông Đ vắng mặt không có lý do. Ông Đ yêu cầu chuyển vụ án để kéo dài thời gian nhằm đưa ra biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng là để bà H suy nghĩ lại nhưng lại không đưa ra được giải pháp để giải quyết mâu thuẫn giữa vợ chồng.

Xét thấy, ông Đ đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần, nhưng ông Đ vẫn vắng mặt tại cả phiên họp, hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án, điều đó cho

thấy ông Đ không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình, không có thiện chí hàn gắn với bà H.

Ông Đ không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án để chứng minh cho ý kiến của mình. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà H và ông Đ đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không Đ được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần cho bà H được ly hôn với ông Đ để hai bên sớm ổn định cuộc sống. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà H là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung:

Bà H và ông Đ có 01 con chung là Đào Trần Tấn P, sinh ngày 01/11/2016. Ông Đ và H đều thống nhất cháu ở chung với bà H và được bên ngoại chăm sóc từ khi mới sinh cho đến nay. Ông Đ yêu cầu được nuôi con nhưng không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình và cũng không đến Tòa án tham gia hòa giải, xét xử chứng tỏ ông Đ từ bỏ quyền nuôi con của mình. Bà H có cung cấp bảng lương chứng minh thu nhập của bà H là đảm bảo nuôi dưỡng con chung. Do đó, xét việc tiếp tục giao cháu P cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo cho sự phát triển tốt nhất của cháu H.

Ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do bà H không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông Đ không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà H phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 227, 228, 147, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Hồng H đối với bị đơn ông Đào Tấn Đ về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về hôn nhân: Bà Trần Thị Hồng H được ly hôn với ông Đào Tấn Đ.

- Về con chung:

Giao con chung là Đào Trần Tấn P, sinh ngày 01/11/2016 cho bà Trần Thị Hồng H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông Đào Tấn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do bà H không yêu cầu.

Ông Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Sau khi ly hôn, khi cần thiết bà H hoặc ông Đ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Bà Trần Thị Hồng H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005358 ngày 09/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THA dân sự thị xã Bến Cát;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Thị Ngọc Bích